

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 226/2026/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: chị **Khúc Thị L**, sinh năm 1992.

HKTT: thôn M, xã L, tỉnh Hưng Yên.

CCCD số 033192006623 cấp ngày 29/4/2021

Bị đơn: anh **Cao Thế V**, sinh năm 1990

HKTT: thôn M, xã L, tỉnh Hưng Yên.

CCCD số 0033090007928 cấp ngày 15/4/2021.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cháu **Cao Đăng Q**, sinh ngày 26/9/2012 và cháu **Cao Minh Đ**, sinh ngày 12/8/2014. Cháu **Q**, cháu **Đ** là con của anh **V**, chị **L**. Người đại diện cho cháu **Q**, cháu **Đ** là anh **V**, chị **L**.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày ngày 22 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Khúc Thị L** và anh **Cao Thế V**.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị **Khúc Thị L** và anh **Cao Thế V** thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị **L** và anh **V** có hai con chung là cháu **Cao Đăng Q**, sinh ngày 26/9/2012 và cháu **Cao Minh Đ**, sinh ngày 12/8/2014. Chị **L** và anh **V** thỏa thuận giao cháu **Q** cho anh **V** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu **Đ** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị **L** và anh **V** không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị **L** và anh **V** có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản; về công nợ; công sức; đất ruộng nông nghiệp: chị **L** và anh **V** cùng tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Khúc Thị L** chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000450 ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị **L** đã nộp đủ tiền án phí. Trả lại cho chị **Khúc Thị L** số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Hưng Yên.
- CQ Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Lạc Đạo;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy

